

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua nguyên vật liệu năm thứ nhất phục vụ đề tài KC.02.09/21-30 - CNĐT: Chu Thị Xuân - Trường Vật liệu;
- Tên dự toán mua sắm: Mua nguyên vật liệu năm thứ nhất phục vụ đề tài KC.02.09/21-30 - CNĐT: Chu Thị Xuân - Trường Vật liệu;
- Chủ đầu tư: Trường Vật liệu;
- Địa chỉ thực hiện bàn giao hàng hóa: Trường Vật liệu, Đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, Hà Nội;
- Nguồn vốn: Kinh phí NSNN cấp cho đề tài mã số KC.02.09/21-30;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026;
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 100 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

Tất cả hàng hóa mới phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo công bố của nhà sản xuất.

Đối với mỗi chủng loại hàng hoá nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin: Tên hàng hoá, ký mã hiệu, nhãn hiệu, năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất, tính năng kỹ thuật cơ bản (thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn).

Hàng hóa phải có nhãn mác hàng hoá, được đóng gói, vận chuyển, bảo quản và đảm bảo an toàn theo quy định của nhà sản xuất, theo đúng quy định của Luật Hoá chất, các quy định khác của pháp luật có liên quan phù hợp với điều kiện vận chuyển và giao hàng, đảm bảo không bị hư hại do va chạm khi bốc dỡ, vận chuyển và các tác động khác của môi trường.

Hàng hoá là hoá chất có thời hạn sử dụng còn lại tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hàng hoá được bàn giao, nghiệm thu.

Danh mục hàng hóa đóng gói, tài liệu chứng nhận xuất xứ hoặc chứng nhận xuất xưởng và giấy chứng nhận chất lượng;

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ: Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng và các chứng từ khác (nếu có);



+ Đối với các hàng hóa khác được sản xuất tại Việt Nam hoặc các hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường: Cung giấy bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối khi giao hàng hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.

Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính (bản gốc);

Các hồ sơ khác có liên quan đến lô hàng (nếu có);

Về tiến độ giao hàng:

Ngày giao hàng sớm nhất : 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Ngày giao hàng muộn nhất : 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

b) Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu phải tuân thủ các yêu cầu về chủng loại, thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn và tiến độ cung cấp hàng hoá nêu tại bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết và tiến độ giao nhận hàng hoá của gói thầu.

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu chào các thông số kỹ thuật của hàng hóa theo thứ tự yêu cầu và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của tài liệu kỹ thuật kèm theo E-HSĐT .

Đối với tài liệu bổ trợ trong E-HSĐT như catalogue hoặc tài liệu mô tả, giới thiệu sản phẩm của nhà sản xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm bản dịch sang tiếng Việt.

Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, lưu kho trong cả quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng hóa đến địa điểm nêu trong E-HSMT.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Hàng hóa được kiểm tra khi chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu tiến hành trước khi bàn giao nghiệm thu.

Nếu Chủ đầu tư thấy nghi ngờ về chất lượng sản phẩm do bên chào thầu cung cấp, Chủ đầu tư đề nghị giám định chất lượng hàng hóa trước khi đưa vào sử dụng theo tiêu chuẩn VILAS (VILAS là hệ thống công nhận phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn của Việt Nam do Văn phòng Công nhận Chất lượng thực hiện). Số lượng do Chủ đầu tư quyết định. Kinh phí kiểm định do bên chào thầu chịu trách nhiệm thanh toán.

Trong quá trình giao nhận, nghiệm thu và kiểm tra, kiểm định hàng hoá nếu phát hiện hàng hoá không đạt yêu cầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm nhận lại hàng hoá không đạt yêu cầu và bàn giao bổ sung hàng hóa đến khi Chủ đầu tư đánh giá hàng hóa đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng. Chi phí giao nhận hàng hóa do bên chào thầu chịu trách nhiệm thanh toán. Thời gian giao nhận hàng hóa đáp ứng thời gian thực hiện hợp đồng.



BẢNG YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT VÀ TIẾN ĐỘ GIAO NHẬN HÀNG HOÁ CỦA GÓI THẦU

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao nhận hàng hoá
1.	Acetone	Dạng lỏng, >99%, chai 500ml	Chai	46	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
2.	Bia ATO (90/10wt%)	≥99 wt%, 2" ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	4	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3.	Bia ATO (95/5wt%)	≥99 wt%, 2" ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	1	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4.	Bia Cs ₂ O	≥99 wt%, 2" ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	2	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
5.	Bia In ₂ O ₃	≥99 wt%, 2" ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	2	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(Handwritten signatures and initials)

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao nhận hàng hoá
6.	Bia ITO (90/10wt%)	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	4	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
7.	Bia ITO (95/5wt%)	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	1	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
8.	Bia Sb ₂ O ₃	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	2	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
9.	Bia SnO ₂	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	2	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao nhận hàng hoá
10.	Bia WO ₃	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	2	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
11.	Bia WO ₃ /Cs (0.67/0.33 at%)	≥99 wt%, 2"ψ x 5mmt + 2mmt Cu B/P + Bonding	Cái	3	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
12.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 50ml	Chịu nhiệt, 50ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
13.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 100ml	Chịu nhiệt, 100ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
14.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 250ml	Chịu nhiệt, 250ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

15.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 400ml	Chịu nhiệt, 400ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
16.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 600ml	Chịu nhiệt, 600ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
17.	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 1000ml	Chịu nhiệt, 1000ml	Chiếc	15	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
18.	Ethanol	Dạng lỏng, >99%, chai 500ml	Chai	48	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
19.	Găng tay Nitrile	Hộp 100 chiếc	Hộp	18	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

20.	H ₂ SO ₄	Dạng lỏng, 95-98%, chai 500ml	Chai	10	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
21.	HF	Dạng lỏng, nồng độ ≥ 40%, chai 500ml	Chai	10	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
22.	Khấu trang than hoạt tính	Hộp 50 cái	Hộp	10	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
23.	Lam kính thủy tinh	76x26mm, hộp 50 tấm	Hộp	20	Giao hàng sớm nhất 30 ngày muộn nhất 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



